

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 04-11-2019.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phạm Văn Nam.

+ Ông Lê Văn Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T - Sinh năm: 1995, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Chí T - Sinh năm: 1991; địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2019, bản tự khai ngày 04 tháng 9 năm 2019, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Chí T tìm hiểu nhau rồi tổ chức lễ cưới vào ngày 19 tháng 4 âm lịch năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 13 tháng 5 năm 2019, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh T sinh sống tại ấp D, xã B,

huyện C, tỉnh Bến Tre. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5 âm lịch năm 2019 thì cuộc sống chung không còn hạnh phúc nữa mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên kiểm soát điện thoại của chị, không tin tưởng chị từ đó dẫn đến việc anh chị thường xuyên tranh cãi với nhau. Ngày 27 tháng 5 âm lịch năm 2019, chị về nhà mẹ ruột của chị ở ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre để chăm sóc mẹ bị bệnh. Từ đó cho đến nay thì chị sống tại nhà mẹ ruột của chị, anh T không có quan tâm gì đến chị. Chị T cho rằng tình cảm với anh T là không còn, không thể đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn với anh T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T chưa có con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày là không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Chí T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, chị và anh T chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và trình bày là không có nợ.

Anh Nguyễn Văn Chí T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Kim T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “Ly hôn” với anh Nguyễn Văn Chí T có địa chỉ tại: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Nguyễn Văn Chí T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời vào ngày 04/9/2019 chị Nguyễn Thị Kim T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Chí T là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Việc kết hôn giữa chị T với anh T tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Chị T cho rằng cuộc hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Việc chị T về nhà mẹ ruột để sinh sống từ tháng 5 âm lịch năm 2019 được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận, từ đó cho thấy lời trình bày của chị T về việc anh chị sống ly thân từ tháng 5 âm lịch năm 2019 là có cơ sở. Bản thân anh T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh với chị T và không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh T đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh T chưa có con chung nên không xem xét.

[5] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T, cụ thể:

1/ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Chí T.

2/ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn Chí T chưa có con chung nên không xem xét.

3/ Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006333 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre, chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Chị Nguyễn Thị Kim T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, riêng anh Nguyễn Văn Chí T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên

